

Ngày 05/9/2022

“V/v tranh chấp Hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIO LINH, TỈNH QUẢNG TRỊ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Phạm Vũ Ngọc Châu.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Xuân Tạo;

Ông Lê Đình Luận.

Thư ký phiên toà: Ông Võ Đức Long - Thư ký Toà án nhân dân huyện Gio Linh.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Gio Linh tham gia phiên toà: Bà Đặng Thuý Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 9 năm 2022, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 11/2022/TLST- DS ngày 05 tháng 4 năm 2022; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2022/QĐXXST-DS ngày 19/8/2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* bà NTD, sinh năm 1950;

Địa chỉ: khu phố 4, thị trấn Gio Linh, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: ông Lê Tấn Phong- Luật sư Văn phòng luật sư Thiên Phong; địa chỉ: số 11B đường Nguyễn Chí Thanh, Phường 5, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị; có mặt.

- *Bị đơn:* anh MVB, sinh năm 1972;

Địa chỉ: khu phố 3, thị trấn Gio Linh, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 18/3/2022, biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn bà NTD trình bày: Do có quen biết nên ngày 26/12/2021 (tức là ngày 23/11/2021 âm lịch), bà NTD có cho anh MVB mượn số tiền 50.000.000 đồng, không tính lãi. Sau khi mượn anh MVB có trả cho bà D 10.000.000 đồng (bà D không nhớ ngày, tháng anh B trả), hiện anh B còn nợ 40.000.000 đồng. Ngày 26/01/2022 anh MVB viết Giấy cam kết nợ, hẹn ngày 11/02/2022 sẽ trả đủ số tiền còn lại. Tuy nhiên, đến hạn anh B không trả, bà D đã nhiều lần yêu cầu nhưng anh B cố tình chây ỳ không chịu trả.

Vì vậy, yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh MVB phải trả cho bà D các khoản sau:

- Khoản nợ gốc quá hạn chưa trả là 40.000.000 đồng.

- Tiền lãi trên số nợ gốc quá hạn chưa trả tính từ ngày 12/02/2022, đến thời

điểm xét xử tạm tính 4 tháng đến ngày 12/6/2022 (chỉ yêu cầu 04 tháng) với lãi suất 10%/năm, cụ thể là: 40.000.000 đồng x 10%/năm x 4 tháng = 1.300.000 đồng. Tổng cộng là 41.300.000 đồng.

- *Tại bản tự khai ngày 12/4/2022, biên bản hoà giải và tại phiên toà hôm nay anh MVB trình bày:* anh MVB khẳng định bà NTD đã vu khống, anh B không quen biết và chưa Bo giờ vay mượn tiền của bà D cho đến khi bà D về nhà anh B để đòi nợ do vợ anh B là chị Trần Thị Thủy nợ tiền của bà D. Khi bà D về đòi nợ anh B đã 03 lần trả nợ thay cho vợ, một lần trả bà D không viết giấy còn 02 lần có viết giấy, cụ thể:

Ngày 10/01/2022 trả 100.000.000 đồng có viết giấy trả nợ và bà D ký;

Ngày 15/01/2022 trả 10.000.000 đồng không viết giấy;

Ngày 25/01/2022 trả 5.500.000 đồng có viết giấy trả nợ và bà D ký.

Anh MVB thừa nhận giấy nhận nợ ngày 23/11/2021 là do anh B viết nhưng anh B viết giấy nợ này là thừa nhận vợ anh B chị Trần Thị Thủy có vay của chị Nhẫn con dâu bà D 50.000.000 đồng. Lý do anh MVB viết giấy cam kết trả nợ ngày 26/01/2022, vì khi đó bà D giữ xe mô tô của anh B nên phải viết cam kết trả nợ 40.000.000 đồng, mục đích đòi phó để lấy lại xe.

Vì vậy, anh MVB không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà NTD.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày:* Tại giấy mượn tiền ngày 23/11/2021 âm lịch nhằm ngày 26/12/2021 dương lịch, anh MVB có viết giấy mượn bà D 50.000.000 đồng không có thỏa thuận lãi suất. Sau khi mượn tiền anh B có trả được 10.000.000 đồng. Ngày 26/01/2022, anh MVB viết giấy cam kết đến ngày 11/02/2022 sẽ trả hết nợ nhưng anh B không trả. Anh MVB thừa nhận chữ viết và chữ ký tại các giấy nợ trên là do mình tự viết ra nên xác định đây là tình tiết không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của BLTTDS. Do đến hạn anh MVB không trả nên đề nghị Tòa án tính lãi suất từ ngày 12/02/2022 cho đến ngày xét xử sơ thẩm tạm tính 4 tháng (12/6/2022) với mức lãi suất 10%/năm theo quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS. Đề nghị Tòa án áp dụng các Điều 463, 466 và 468 BLDS buộc anh MVB trả cho bà D số tiền nợ gốc là 40.000.000 đồng và lãi phát sinh từ ngày 12/02/2022 đến ngày 12/6/2022 (04 tháng) với lãi suất 10%/năm là 1.300.000 đồng. Tổng cộng là 41.300.000 đồng.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

- *Về thủ tục tố tụng:* Việc xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền thụ lý vụ án, tư cách người tham gia tố tụng đảm bảo theo quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong việc xác minh, thu thập, giao nhận chứng cứ, Bn hành các văn bản tố tụng, chấp hành thời hạn tố tụng và chuyển hồ sơ vụ án đúng hạn luật định. Tại phiên tòa, HĐXX và Thư ký đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 71, 72 và 76 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- *Về nội dung:*

Đề nghị áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 357, 463, 464, 465, 466 và 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên bà Nguyễn Thị D. Buộc anh MVB phải trả cho bà Nguyễn Thị D số tiền đã vay là 41.300.000 đồng; trong đó nợ gốc là 40.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 12/02/2022 đến 12/6/2022 là 1.300.000 đồng.

Về án phí: Áp dụng khoản 1 Điều 147 của BLTTDS; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, anh MVB phải chịu án phí dân sự có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên toà, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:*

[1.1] *Về xác định quan hệ tranh chấp:* nguyên đơn bà NTD khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh MVB phải trả cho bà D số tiền gốc và lãi 41.300.000 đồng theo giấy mượn tiền ngày 23/11/2021 âm lịch và Giấy cam kết nợ ngày 26/01/2022. Vì vậy, Tòa án xác định quan hệ pháp luật là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 463 của Bộ luật dân sự.

[1.2] *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* Bị đơn anh MVB, cư trú tại: khu phố 3, thị trấn Gio Linh, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Gio Linh.

[2] *Về nội dung vụ án:*

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của bà NTD về số tiền nợ gốc:

Ngày 23/11/2022 (âm lịch), anh MVB viết giấy mượn của bà NTD với số tiền là 50.000.000 đồng. Sau khi mượn anh B có trả 10.000.000 đồng. Ngày 26/01/2022, anh MVB viết giấy cam kết nợ hẹn đến ngày 11/02/2022 sẽ trả hết nợ. Đến hạn trả nợ anh B không trả nên bà NTD khởi kiện ra Toà án.

Anh MVB thừa nhận giấy vay tiền và cam kết trả nợ trên do anh B viết nhưng không thừa nhận nợ, thấy rằng: anh MVB cho rằng chỉ viết giấy xác nhận vợ anh B là chị Trần Thị Thủy có vay của chị Nhẫn con dâu bà D 50.000.000 đồng; tuy nhiên, giấy vay tiền ngày 23/11/2021 anh B viết với nội dung “*MVB ngày 23/11/2021 có mượn của o D 50 triệu (năm mươi triệu)*” và ký, ghi tên, chứ không có nội dung xác nhận như anh B trình bày nhận nợ thay của vợ. Việc chị Trần Thị Thủy vay tiền của chị Lê Thị Nhẫn (con dâu bà D) là một giao dịch khác, sự việc chị Thủy vay không trả, chị Nhẫn đã khởi kiện và được Tòa án giải quyết bằng một Quyết định đã có hiệu lực pháp luật theo quyết định số 07/2022/QĐST-DS ngày 06/6/2022 của TAND huyện Gio Linh.

Anh MVB trình bày lý do viết giấy cam kết trả nợ ngày 26/01/2022 vì khi đó bà D giữ xe mô tô của anh B nên phải viết cam kết trả nợ 40.000.000 đồng, mục đích đối phó để lấy lại xe. Tuy nhiên, anh MVB không đưa ra được các tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh. Bà D trình bày, sau khi vay anh B có trả số tiền 10.000.000 đồng nhưng bà D không nhớ ngày trả. Giấy cam kết nợ ngày 26/01/2022 anh B cam kết: “*Sẽ trả cho bà D trước số nợ là 40.000.000 đồng, còn số nợ vợ anh B nợ bà D Bao nhiêu anh B không rõ*”, như vậy anh B thừa nhận số này, phù hợp với lời khai của bà D và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Anh MVB trình bày ngày 10/01/2022, anh B có trả thay cho vợ là chị Thủy số tiền 100.000.000 đồng tiền vay của bà D nên không có việc anh B nợ tiền bà D. Nội dung này đang được Tòa án xem xét quyết định trong một vụ án khác. Hơn nữa, theo nội dung anh B trình bày thì ngày 10/01/2022 anh B trả nợ thay cho vợ nhưng đến ngày 26/01/2022, anh B mới viết Giấy cam kết trả nợ; việc cam kết trả nợ được viết sau thời gian trả nợ thay cho vợ.

Vì vậy, có đủ căn cứ khẳng định anh MVB còn nợ bà NTD số tiền gốc là 40.000.000 đồng.

[2.2] Đối với yêu cầu tiền lãi:

Ngày 26/01/2022, anh MVB viết Giấy cam kết trả nợ, cam kết đến ngày 11/02/2022 sẽ trả hết nợ cho bà D, nếu không trả thì phải bán xe mô tô trả cho bà D nhưng hết hạn anh B vẫn không trả tiền cho bà D. Bà D cho anh B vay tiền không tính lãi nhưng đến hạn trả nợ anh B không trả; căn cứ khoản 4 Điều 466 BLDS quy định “*Trường hợp vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì bên cho vay có quyền yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc luật có quy định khác*”. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu của bà NTD về tính lãi suất.

Xét thấy, mức lãi suất bà D yêu cầu không vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự nên cần chấp nhận mức lãi mà bà D yêu cầu 10%/năm.

Về thời gian tính lãi: anh MVB cam kết đến ngày 11/02/2022 sẽ trả hết nợ nhưng đến hạn anh MVB không trả nên thời gian tính lãi bắt đầu được tính từ ngày tiếp theo là ngày 12/02/2022 cho đến ngày xét xử sơ thẩm. Tuy nhiên, nguyên đơn chỉ yêu cầu trả tiền lãi trong thời hạn 04 tháng tính từ ngày 12/02/2022 đến 12/6/2022 nên cần chấp nhận.

[3] Từ những phân tích nêu trên, thấy rằng: Việc anh MVB có vay tiền của bà NTD là đúng và hiện tại còn nợ số tiền gốc là 40.000.000 đồng. Anh MVB thừa nhận các giấy ghi nợ trên do anh viết với mục đích là trả nợ thay cho vợ nhưng anh B không có tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà NTD và ý kiến về giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gio Linh. Buộc anh MVB phải trả cho bà D số tiền đã vay là 40.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 12/02/2022 đến ngày 12/6/2022 là 4 tháng với mức 10%/năm (04 tháng x 40.000.000 đồng x 10%/năm) là 1.300.000 đồng. Tổng cộng là 41.300.000 đồng.

[3] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (Bà NTD là người cao tuổi nên được miễn nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm).

Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên số tiền phải trả cho nguyên đơn là (41.300.000 đồng x 5% = 2.065.000 đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147 và Điều 264 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 357, 463, 466 và 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án của Ủy Ban thường vụ Quốc hội, xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà NTD. Buộc anh MVB phải trả cho bà NTD số tiền là 41.300.000 đồng; trong đó tiền gốc 40.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 12/02/2022 đến ngày 12/6/2022 là 1.300.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án, mà bên có nghĩa vụ chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền, thì phải chịu khoản tiền lãi trên số tiền chậm thi hành án, tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự.

2. Về án phí: anh MVB phải chịu 2.065.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND huyện Gio Linh;
- Đương sự;
- Chi cục THADS huyện Gio Linh;
- Lưu: HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phạm Vũ Ngọc Châu

